Những điểm mới về hợp đồng được quy định tại Bộ luật dân sự 2015

***Link bài:*** [*https://hocluat.vn/nhung-diem-moi-ve-hop-dong-tai-bo-luat-dan-su-2015-so-voi-bo-luat-dan-su-2005/*](https://hocluat.vn/nhung-diem-moi-ve-hop-dong-tai-bo-luat-dan-su-2015-so-voi-bo-luat-dan-su-2005/)

|  |
| --- |
| *Theo dõi page* ***Học Luật OnLine*** *thường xuyên để nhận được nhiều tài liệu bổ ích hơn!* |

******

**Bộ**[**luật dân sự**](https://hocluat.vn/luat-dan-su/)**(BLDS) năm 2015 được thông qua vào ngày 24/11/2015 và có hiệu lực từ ngày 01/07/2016. Trong BLDS 2015 có nhiều điểm mới**[**tiến bộ**](https://hocluat.vn/wiki/tien-bo/)**hơn so với BLDS 2005, trong đó, có những điểm mới liên quan đến**[**hợp đồng**](https://hocluat.vn/wiki/hop-dong/)**.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| [**Chế định**](https://hocluat.vn/wiki/che-dinh/) | **Quy định BLDS 2015** | **Điểm mới** | **Ý  nghĩa** |
| **Khái niệm hợp đồng (Điểu 385 BLDS 2015)** | Theo điều 385 BLDS 2015: “Hợp đồng là sự thỏa thuận giữa các bên về việc xác lập, thay đổi hoặc [chất](https://hocluat.vn/wiki/chat/) dứt quyền và [nghĩa vụ](https://hocluat.vn/wiki/nghia-vu/) dân sự”  Điều 388 Bộ [luật Dân sự](https://hocluat.vn/wiki/luat-dan-su/) năm 2005: “Hợp đồng dân sự là sự thỏa thuận giữa các bên về việc xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự”. | BLDS hiện hành đã chọn cụm từ “hợp đồng” thay vì “hợp đồng dân sự” trong BLDS 2005 | Không chỉ là sửa đổi về kỹ thuật lập pháp mà còn thể hiện tính minh bạch.  Phù hợp với [thực tiễn](https://hocluat.vn/wiki/thuc-tien/) áp dụng, mở rộng phạm vi điều chỉnh: Hợp đồng dân sự, hợp đồng thương mại, hợp đồng đầu tư, hợp đồng [kinh doanh](https://hocluat.vn/wiki/kinh-doanh/) bảo hiểm,…. |
| **Đề nghị giao kết hợp đồng (Khoản 1 điều 386 BLDS 2015)** | Theo Khoản 1 Điều 386 BLDS 2015: Đề nghị giao kết hợp đồng là việc thể hiện rõ ý định giao kết hợp đồng và chịu sự ràng buộc về đề nghị này của bên đề nghị đối với bên đã được xác định hoặc tới công chúng (sau đây gọi chung là bên được đề nghị)”. | Mở rộng và rõ hơn về bên được đề nghị giao kết hợp đồng.  Có thể có nhiều bên nhận được đề nghị trong giao kết hợp đồng. | Phù hợp với thực tiễn áp dụng. |
| **Thông tin giao kết hợp đồng (Điều 387 BLDS 2015)** | Trường hợp một bên có thông tin ảnh hưởng đến việc chấp nhận giao kết hợp đồng của bên kia thì phải [thông báo](https://hocluat.vn/wiki/thong-bao/) cho bên kia biết;  Trường hợp một bên nhận được thông tin bí mật của bên kia trong quá trình giao kết hợp đồng thì có [trách nhiệm](https://hocluat.vn/wiki/trach-nhiem/) bảo mật thông tin và không được sử dụng thông tin đó cho mục đích riêng của mình hoặc cho mục đích trái [pháp luật](https://hocluat.vn/wiki/phap-luat/) khác;  Bên vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này mà gây thiệt hại thì phải bồi thường. | Điều khoản mới | Nhằm quản lý chặt chẽ thông tin trong quá trình giao kết hợp đồng.  Là cơ sở để giải quyết các tranh chấp phát sinh. |
| **Thời điểm giao kết hợp đồng (Khoản 1 điều 388 BLDS 2015)** | Thời điểm đề nghị giao kết hợp đồng có hiệu lực được xác định như sau:  + Do bên đề nghị ấn định.  + Nếu bên đề nghị không ấn định thì đề nghị giao kết hợp đồng có hiệu lực kể từ khi bên được đề nghị nhận được đề nghị đó, trừ trường hợp luật liên quan có quy định khác. | Bổ sung thêm chế định loại trừ “Trừ trường hợp luật liên quan có quy định khác” | Phù hợp với thực tiễn áp dụng  Tránh mâu thuẫn giữa các luật.  Ưu tiên áp dụng Luật chuyên ngành |
| **Chấm dứt đề nghị giao kết hợp đồng (Điều 391 BLDS 2015)** | Đề nghị giao kết hợp đồng chấm dứt trong trường hợp sau đây:    1. Bên được đề nghị chấp nhận giao kết hợp đồng;    2. Bên được đề nghị trả lời không chấp nhận;    3. Hết [thời hạn](https://hocluat.vn/wiki/thoi-han/) trả lời chấp nhận;    4. Khi thông báo về việc thay đổi hoặc rút lại đề nghị có hiệu lực;    5. Khi thông báo về việc huỷ bỏ đề nghị có hiệu lực;    6. Theo thoả thuận của bên đề nghị và bên được đề nghị trong thời hạn chờ bên được đề nghị trả lời. | Bổ sung thêm trường hợp:  Bên được đề nghị chấp nhận giao kết hợp đồng. | Đúng về mặt lý luận và phù hợp với thực tiễn áp dụng. |
| **Im lặng trong quá trình giao kết hợp đồng**  **(Điều 393 BLDS 2015)** | Sự im lặng của bên được đề nghị không được coi là chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng, trừ trường hợp có thỏa thuận hoặc theo thói quen đã được xác lập giữa các bên. | Quy định rõ hơn trường hợp nào thì im lặng được coi là chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng | Hạn chế những tranh chấp phát sinh từ sự im lặng này. |
| **Thời hạn trả lời giao kết hợp đồng (Điều 394 BLDS 2015)** | Điều 394 BLDS 2015 quy định giống BLDS 2005 chỉ bổ sung thêm một quy định | Bổ sung thêm quy định: Khi bên đề nghị không nêu rõ thời hạn trả lời thì việc trả lời chấp nhận chỉ có hiệu lực nếu được thực hiện trong một thời hạn hợp lý. | Phù hợp với thực tiễn áp dụng.  Quy định rõ hơn về trường hợp không ấn định thời gian. |
| **Nội dung hợp đồng (Điều 398 BLDS 2015)** | 1. Các bên trong hợp đồng có quyền thỏa thuận về nội dung trong hợp đồng.  2. Hợp đồng có thể có các nội dung sau đây:  a) Đối tượng của hợp đồng;  b) Số [lượng](https://hocluat.vn/wiki/luong/), chất lượng;  c) Giá, phương thức thanh toán;  d) Thời hạn, địa điểm, phương thức thực hiện hợp đồng;  đ) Quyền, nghĩa vụ của các bên;  e) Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng;  g) Phương thức giải quyết tranh chấp | Bổ sung thêm quy định: “Các bên trong hợp đồng có quyền thỏa thuận về nội dung trong hợp đồng”  Bổ sung thêm phương thức giải quyết tranh chấp. | Nhấn mạnh rõ [bản chất](https://hocluat.vn/wiki/ban-chat/)của hợp đồng là sự thỏa thuận.  Nhằm tạo điều kiện cho các bên có thể thỏa thuận với nhau về phương thức giải quyết khi có tranh chấp xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng. |
| **Thời điểm giao kết hợp đồng**  **(Điều 400 BLDS 2015)** | 2. Trường hợp các bên có thỏa thuận im lặng là sự trả lời chấp nhận giao kết hợp đồng trong một thời hạn thì thời điểm giao kết hợp đồng là thời điểm cuối cùng của thời hạn đó.  4. Thời điểm giao kết hợp đồng bằng [văn bản](https://hocluat.vn/wiki/van-ban/) là thời điểm bên sau cùng ký vào văn bản hay bằng [hình thức](https://hocluat.vn/wiki/hinh-thuc/) chấp nhận khác được thể hiện trên văn bản. | Quy định chi tiết về sự im lặng trong giao kết hợp hợp đồng tại khoản 2  Quy định bổ sung thời điểm giao kết hợp đồng bằng hình thức chấp nhận khác tại khoản 4 điều này. | Rõ ràng, dễ vận dụng và hạn chế xảy ra tranh chấp từ chế định “sự im lặng” khi giao kết.  Phù hợp thực tiễn áp dụng với việc bổ sung thêm quy định những hình thức khác được thể hiện trên văn bản |
| **Hiệu lực của hợp đồng (Điều 401 BLDS 2015)** | 1. Hợp đồng được giao kết [hợp pháp](https://hocluat.vn/wiki/hop-phap/) có hiệu lực từ thời điểm giao kết, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật liên quan có quy định khác.  2. Từ thời điểm hợp đồng có hiệu lực, các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với nhau theo cam kết. Hợp đồng chỉ có thể bị sửa đổi hoặc hủy bỏ theo thỏa thuận của các bên hoặc theo quy định của pháp luật. | Bổ sung thêm quy định tại khoản 2 điều này:  Quy định rõ về quyền và nghĩa vụ của các bên khi hợp đồng đã có hiệu lực.  Quy định thêm về việc sửa đổi, bổ sung hợp đồng. | Đảm bảo việc thực hiện hợp đồng của các bên.  Rõ ràng hơn trong việc thay đổi nội dung hợp đồng ( Phải có sự thỏa thuận giữa các bên). |
| **Giải thích hợp đồng (Điều 402 BLDS 2015)** | Khi hợp đồng có điều khoản hoặc ngôn từ có thể hiểu theo nhiều nghĩa khác nhau thì phải giải thích theo nghĩa phù hợp nhất với mục đích, tính chất của hợp đồng. | So với BLDS 2005 giải thích theo hướng có lợi nhất cho các bên và phù hợp tính chất hợp đồng thì BLDS 2015 giải thích theo hướng  phù hợp với mục đích, tính chất của hợp đồng. | Đề cao mục đích của hợp đồng bởi đó là sự thỏa thuận giữa các bên trong suốt quá trình lập nên hợp đồng.  Hạn chế mâu thuẩn về ý chí của các bên.  Đây là điểm tiến bộ thể hiện tính minh bạch. |
| **Hợp đồng theo mẫu (Điều 405 BLDS 2015)** | Bổ sung thêm quy định:  Hợp đồng theo mẫu phải được công khai để bên được đề nghị biết hoặc phải biết về những nội dung của hợp đồng.  Trình tự, thể thức công khai hợp đồng theo mẫu thực hiện theo quy định pháp luật. | Bổ sung thêm tính công khai, trình tự, thể thức công khai của hợp đồng theo mẫu | Đảm bảo tính minh bạch và quyền lợi ích của các bên.  Hạn chế tranh chấp phát sinh. |
| **Điều kiện chung trong giao kết hợp đồng ( Điều 406 BLDS 2015)** | Điều 406 BLDS 2015 | Quy định mới | Đảm bảo tính thống nhất, công khai và bình đẳng giữa các bên. |
| **Quyền hoãn thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng song vụ (Khoản 1 điều 411 BLDS 2015)** | Bên phải thực hiện nghĩa vụ trước có quyền hoãn thực hiện nghĩa vụ, nếu khả năng thực hiện nghĩa vụ của bên kia đã bị giảm sút nghiêm trọng đến mức không thể thực hiện được nghĩa vụ như đã cam kết cho đến khi bên kia có khả năng thực hiện được nghĩa vụ hoặc có biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ. | Thay “[bảo lãnh](https://hocluat.vn/wiki/bao-lanh/)” thành “Có biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ” | Rộng hơn, bao hàm cả trường hợp bảo lãnh theo quy định tại BLDS 2005 |
| **Quyền từ chối của người thứ ba (Khoản 2 điều 416** | Trường hợp người thứ ba từ chối lợi ích của mình sau khi bên có nghĩa vụ đã thực hiện nghĩa vụ thì nghĩa vụ được xem là đã hoàn thành và bên có quyền vẫn phải thực hiện cam kết đối với bên có nghĩa vụ.  Trong trường hợp này, lợi ích phát sinh từ hợp đồng thuộc về bên mà nếu hợp đồng không vì lợi ích của người thứ ba thì họ là người thụ hưởng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. | Bổ sung thêm:  Trong trường hợp này, lợi ích phát sinh từ hợp đồng thuộc về bên mà nếu hợp đồng không vì lợi ích của người thứ ba thì họ là người thụ hưởng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. | Xác định rõ [chủ thể](https://hocluat.vn/wiki/chu-the/)được hưởng lợi ích  phát sinh từ hợp đồng.  Hạn chế tranh chấp xảy ra. |
| **Thỏa thuận phạt vi phạm (Điều 418 BLDS 2015)** | 1. Phạt vi phạm là sự thỏa thuận giữa các bên trong hợp đồng, theo đó bên vi phạm nghĩa vụ phải nộp một khoản tiền cho bên bị vi phạm.  2. Mức phạt vi phạm do các bên thỏa thuận, trừ trường hợp luật liên quan có quy định khác.  3. Các bên có thể thỏa thuận về việc bên vi phạm nghĩa vụ chỉ phải chịu phạt vi phạm mà không phải bồi thường thiệt hại hoặc vừa phải chịu phạt vi phạm và vừa phải bồi thường thiệt hại.  Trường hợp các bên có thỏa thuận về phạt vi phạm nhưng không thỏa thuận về việc vừa phải chịu phạt vi phạm và vừa phải bồi thường thiệt hại thì bên vi phạm nghĩa vụ chỉ phải chịu phạt vi phạm. | Quy định chi tiết hơn về nội dung phạt vi phạm tại khoản  1, khoản 2.  Quy định lại trường hợp thỏa thuận phạt vi phạm tại khoản 3 | Việc thỏa thuận phạt vi phạm khi các bên vi phạm hợp đồng là điều cần thiết.  Hợp đồng mang tính chất thỏa thuận.  Vì vậy, chế định tại điều 418 BLDS 2015 quy định chi tiết là điều hợp lý. |
| **Thiệt hại được bồi thường do vi phạm hợp đồng (Điều 419 BLDS 2015)** | 1. Thiệt hại được bồi thường do vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều này, Điều 13 và Điều 360 của Bộ luật này.  2. Người có quyền có thể yêu cầu bồi thường thiệt hại cho lợi ích mà lẽ ra mình sẽ được hưởng do hợp đồng mang lại. Người có quyền còn có thể yêu cầu người có nghĩa vụ chi trả chi phí phát sinh do không hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng mà không trùng lặp với mức bồi thường thiệt hại cho lợi ích mà hợp đồng mang lại.  3. Theo yêu cầu của người có quyền, [Tòa án](https://hocluat.vn/wiki/toa-an/) có thể buộc người có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về tinh thần cho người có quyền. Mức bồi thường do Tòa án [quyết định](https://hocluat.vn/wiki/quyet-dinh/) [căn cứ](https://hocluat.vn/wiki/can-cu/) vào nội dung vụ việc. | Quy định mới | Bảo vệ lợi ích hợp pháp của người có quyền.  Đây là biện pháp [chế tài](https://hocluat.vn/wiki/che-tai/)đối với người có hành vi vi phạm.  Hạn chế tranh chấp phát sinh trong quá trình bồi thường thiệt hại. |
| **Thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản (Điều 420 BLDS 2015)** | Điều 420 BLDS 2015 | Quy định mới | Để cân bằng quyền và lợi ích hợp pháp của các bên do hoàn cảnh thay đổi cơ bản. |
| **Chấm dứt hợp đồng**  **(Điều 422 BLDS 2015)** | Hợp đồng chấm dứt trong trường hợp sau đây:  1. Hợp đồng đã được hoàn thành;  2. Theo thỏa thuận của các bên;  3. [Cá nhân](https://hocluat.vn/wiki/ca-nhan/) giao kết hợp đồng chết, [pháp nhân](https://hocluat.vn/wiki/phap-nhan/) giao kết hợp đồng chấm dứt tồn tại mà hợp đồng phải do chính cá nhân, pháp nhân đó thực hiện;  4. Hợp đồng bị hủy bỏ, [bị đơn](https://hocluat.vn/wiki/bi-don/)phương chấm dứt thực hiện;  5. Hợp đồng không thể thực hiện được do đối tượng của hợp đồng không còn;  6. Hợp đồng chấm dứt theo quy định tại Điều 420 của Bộ luật này;  7. Trường hợp khác do luật quy định. | Bổ sung quy định chấm dứt hợp đồng trong trường hợp các bên không thể thỏa thuận về việc sửa đổi hợp đồng trong một thời gian hợp lý khi hoàn cảnh có thay đổi cơ bản và một trong các bên yêu cầu Tòa án chấm dứt hợp đồng tại một thời điểm xác định. | Phù hợp thực tiễn áp dụng  Tránh xảy ra tranh chấp giữa các bên khi chấm dứt hợp đồng |
| **Hủy bỏ hợp đồng (Điều 423 BLDS 2015)** | 1. Một bên có quyền hủy bỏ hợp đồng và không phải bồi thường thiệt hại trong trường hợp sau đây:  a) Bên kia vi phạm hợp đồng là điều kiện hủy bỏ mà các bên đã thỏa thuận;  b) Bên kia vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ hợp đồng;  c) Trường hợp khác do luật quy định. | Bổ sung thêm trường hợp “bên kia vi phạm nghiệm trong nghĩa vụ hợp đồng và các trường hợp khác do Luật định” thì bên còn lại có quyền hủy bỏ hợp đồng và không phải bồi thường thiệt hại | Bảo vệ lợi ích của bên kia nếu bên còn lại vi phạm nghiêm trọng hợp đồng.  Quy định thêm những trường hợp khác là đúng về mặt lý luận và thực tiễn áp dụng pháp luật chuyên ngành |
| **Huỷ bỏ hợp đồng do chậm thực hiện nghĩa vụ** | Điều 424 BLDS 2015 | Quy định mới | Phù hợp với thực tiễn áp dụng. |
| **Hủy bỏ hợp đồng do không có khả năng thực hiện** | Điều 425 BLDS 2015 | Quy định mới | Phù hợp với thực tiễn áp dụng |
| **Huỷ bỏ hợp đồng trong trường hợp**[**tài sản**](https://hocluat.vn/wiki/tai-san/)**bị mất, bị hư hỏng** | Điều 426 BLDS 2015 | Quy định mới | Phù hợp với thực tiễn áp dụng |
| **Đơn phương chấm dứt hợp đồng** | Điều 428 BLDS 2015 | Quy định chi tiết hơn về trường hợp đơn phương chấm dứt hợp đồng | Giúp các bên hạn chế tranh chấp phát sinh khi đơn phương chấm dứt hợp đồng |
| [**Thời hiệu**](https://hocluat.vn/wiki/thoi-hieu/)[**khởi kiện**](https://hocluat.vn/wiki/khoi-kien/)**về hợp đồng (Điều 429 BLDS 2015)** | Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm. | So với BLDS 2005: thời hiệu khởi kiện về hợp đồng là 02 năm kể từ ngày quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, pháp nhân và chủ thể khác bị xâm phạm | Bảo vệ quyền và lợi ích của người bị xâm phạm.  Rõ ràng hơn quy định về thời hiệu, tranh mâu thuẫn phát sinh khi giải quyết tranh chấp. |
| **Hợp đồng mua bán tài sản** | Điều 430 BLDS 2015 | Bổ sung thêm quy định: Hợp đồng mua bán nhà ở, mua bán nhà để sử dụng vào mục đích khác được thực hiện theo quy định của BLDS 2015, Luật nhà ở và luật khác có liên quan. | Bổ sung thêm phạm vi các hợp đồng mua bán nhà vào chế định là hợp lý  Phù hợp thực tiễn áp dụng.  Vẫn ưu tiên áp dụng các Luật chuyên ngành. |
| **Đối tượng của hợp đồng mua bán** | Điều 431 BLDS 2015 | Mở rộng đối tượng của hợp đồng mua bán, là tất cả các loại tài sản được quy định tại BLDS 2015, không như BLDS 2005 trước đây có quy định chỉ là những tài sản được phép [giao dịch](https://hocluat.vn/wiki/giao-dich/). | Điểm tiến bộ, phù hợp với thực tiễn áp dụng. |
| **Chất lượng của tài sản mua bán** | Điều 432 BLDS 2015 | Tiêu chuẩn về chất lượng của tài sản đã được [công bố](https://hocluat.vn/wiki/cong-bo/), quy định của cơ quan [nhà nước](https://hocluat.vn/wiki/nha-nuoc/) có thẩm quyền là tiêu chuẩn tối thiểu về chất lượng của tài sản mua bán, đồng thời quy định cụ thể về trường hợp chưa có tiêu chuẩn. | Quy định rõ ràng hơn.  Hạn chế xảy ra tranh chấp giữa các bên. |
| **Giá và phương thức thanh toán giá** | Điều 433 BLDS 2015 | Bổ sung quy định “Phương thức thanh toán giá có thể được người thứ 3 xác định theo yêu cầu | Quy định ngắn gọn, xúc tích hơn.  Mở rộng phạm vi xác định phương thức thanh toán phù hợp với thực tiễn. |
| **Thời hạn thực hiện hợp đồng mua bán** | Điều 434 BLDS 2015 | Quy định rõ hơn: “Nếu không xác định hoặc xác định không rõ ràng thời gian thanh toán thì bên mua phải thanh toán ngay tại thời điểm nhận tài sản mua hoặc nhận giấy tờ chứng nhận [quyền sở hữu](https://hocluat.vn/wiki/quyen-so-huu/) tài sản.” | Quy định cụ thể.  Hạn chế xảy ra tranh chấp giữa các bên. |
| **Phương thức giao tài sản** | Điều 434 BLDS 2015 | Bổ sung điều khoản ràng buộc trong trường hợp [bên bán](https://hocluat.vn/wiki/ben-ban/)giao tài sản cho bên mua thành nhiều lần mà bên bán không thực hiện đúng nghĩa vụ ở một lần nhất định | Mang tính ràng buộc.  Đảm bảo tính công bằng.  Hạn chế những tranh chấp phát sinh trong quá trình giao tài sản. |
| **Trách nhiệm do giao tài sản không đúng số lượng** | Điều 436 BLDS 2015 | Quy định cụ thể hơn về trách nhiệm do giao tài sản không đúng chất lượng:  “bên mua có quyền nhận hoặc không nhận phần dôi ra; nếu nhận thì phải thanh toán đối với phần dôi ra theo giá được thỏa thuận trong hợp đồng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.”  Và quy định rõ hơn 1 trường hợp trong các quyền của bên mua khi bên bán giao hàng ít hơn số lượng đã thỏa thuận chế định:  Hủy bỏ hợp đồng và yêu cầu BTTH nếu việc vi phạm làm cho bên mua không đạt được mục đích giao kết hợp đồng. | Quy định rõ ràng hơn so với BLDS 2005.  Bảo vệ quyền lợi của bên mua khi bên bán vi phạm không giao hàng đúng số lượng.  Hạn chế tranh chấp phát sinh do hành vi vi phạm của bên bán gây ra. |
| **Trách nhiệm do giao hàng không đồng bộ** | Điều 438 BLDS 2015 | Sửa đổi quy định trong trường hợp bên mua đã trả tiền nhưng chưa nhận vật do giao không đồng bộ: | Phù hợp với thực tiễn áp dụng |
| **Trách nhiệm giao tài sản không đúng chủng loại** | Điều 439 BLDS 2015 | Chi tiết quyền hủy bỏ hợp đồng trong trường hợp giao tài sản không đúng chủng loại tại khoản 3 điều này: | Quy định rõ ràng hơn.  Hạn chế tranh chấp  xảy giữa các bên. |
| **Nghĩa vụ trả tiền** | Điều 440 BLDS 2015 | BLDS 2015 làm rõ nghĩa vụ trả tiền nhằm bao quát hết các trường hợp có thể phát sinh tranh chấp liên quan đến nghĩa vụ trả tiền như sau: | Bao quát hết các trường hợp đã xảy ra trên thực tế.  Khắc phục được hạn chế của BLDS 2005  Phù hợp thực tiễn áp dụng. |
| **Thời điểm chịu rủi ro** | Điều 441 BLDS 2015 | Bổ sung điều khoản loại trừ vào khoản 1 điều 441: Bên bán chịu rủi ro đối với tài sản trước khi tài sản được giao cho bên mua, bên mua chịu rủi ro đối với tài sản kể từ thời điểm nhận tài sản, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc luật có quy định khác. | Ưu tiên áp dụng Luật chuyên ngành.  Đúng về mặt lý luận và thực tế |
| **Chi phí vận chuyển và chi phí liên quan đến việc chuyển quyền sở hữu** | Điều 442 BLDS 2015 | Ngoài các quy định đã đề cập tại BLDS 2005, BLDS 2015 bổ sung quy định sau:  – Chi phí vận chuyển và chi phí liên quan đến việc chuyển quyền sở hữu do các bên thỏa thuận, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.  – Trường hợp các bên không có thoả thuận hoặc thỏa thuận không rõ ràng thì chi phí vận chuyển và chi phí liên quan đến việc chuyển quyền sở hữu được xác định theo chi phí đã được công bố, quy định của cơ quan có thẩm quyền hoặc theo tiêu chuẩn ngành nghề.  – Trường hợp không có căn cứ xác định theo quy định trên thì chi phí vận chuyển và chi phí liên quan đến việc chuyển quyền sở hữu được xác định theo tiêu chuẩn thông thường hoặc theo tiêu chuẩn riêng phù hợp với mục đích giao kết hợp đồng. | Khắc phụ được những hạn chế của BLDS 2005 |
| **Nghĩa vụ cung cấp thông tin và hướng dẫn cách sử dụng** | Điều 443 BLDS 2015 | Thêm cụm từ “trong một thời gian hợp lý” vào quy định sau:  Nếu bên bán không thực hiện nghĩa vụ này thì bên mua có quyền yêu cầu bên bán phải thực hiện trong một thời hạn hợp lý. | Nhằm xác định rõ khoảng thời gian phải thực hiện nghĩa vụ cung cấp thông tin.  Tránh những mâu thuẫn phát sinh. |
| **Bán đấu giá tài sản** | Điều 451 BLDS 2015 | Bổ sung thêm quy định sau: Việc bán đấu giá tài sản phải đảm bảo nguyên tắc khách quan, công khai, minh bạch, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên tham gia và được thực hiện theo quy định pháp luật về bán đấu giá tài sản. | Quy định cụ thể và rõ ràng hơn, hạn chế tranh chấp phát sinh. |
| **Mua sau khi sử dụng** | Điều 452 BLDS 2015 | Thay đổi nội dung này : Trường hợp các bên không thỏa thuận hoặc thỏa thuận không rõ ràng về thời hạn dùng thử thì thời hạn này được xác định theo [tập quán](https://hocluat.vn/wiki/tap-quan/) của giao dịch có đối tượng cùng loại. | Quy định chặt chẽ trong trường hợp các bên không thỏa thuận hoặc thỏa thuận không rõ ràng về thời hạn dùng thử: |
| **Chuộc lại tài sản đã bán** | Điều 454 BLDS 2015 | Quy định ngắn gọn, xúc tích  Bổ sung thêm các chế định loại trử | Dễ hiểu, dễ vận dụng.  Ưu tiên áp dụng Luật chuyên ngành |
| **Tặng cho động sản** | Điều 458 BLDS 2015 | Thêm điều khoản loại trừ đối với hiệu lực của hợp đồng tặng cho:  – Hợp đồng tặng cho động sản có hiệu lực kể từ thời điểm bên được tặng cho nhận tài sản, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. | Vẫn ưu tiên sự thỏa thuận giữa các bên.  Đó là bản chất của hợp đồng |
| **Nghĩa vụ của bên cho vay** | Điều 465 BLDS 2015 | Bổ sung cụm từ “hoặc luật khác có liên quan quy định khác” vào quy định sau:  Không được yêu cầu bên vay trả lại tài sản trước thời hạn, trừ trường hợp quy định về hợp đồng vay có kỳ hạn hoặc luật khác có liên quan quy định khác. | Ưu tiên áp dụng Luật chuyên ngành, phù hợp với thực tiễn áp dụng. |
| **Nghĩa vụ trả nợ của bên vay** | Điều 466 BLDS 2015 | Quy định chi tiết về nghĩa vụ trả nợ của bên vay trong trường hợp không trả nợ hay trả không đầy đủ | Đây là chế định quan trọng, dễ phát sinh mâu thuẩn và tranh chấp. Việc quy định chi tiết là điều cần thiết. |
| **Lãi suất** | Điều 468 BLDS 2015 | Quy định mới | Đây là quy định rõ hơn về lãi suất đối với các hợp đồng cho vay.  Là cần thiết và phù hợp |
| **Thực hiện hợp đồng vay có kỳ hạn** | Điều 470 BLDS 2015 | Thêm điều khoản loại trừ  tại quy định : “Đối với hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi thì bên vay có quyền trả lại tài sản trước kỳ hạn, nhưng phải trả toàn bộ lãi theo kỳ hạn, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc luật có quy định khác.” | Ưu tiên áp dụng Luật chuyên ngành |
| **Họ, hụi, biêu, phường** | Khoản 3 điều 471 BLDS 2015 | Bổ sung thêm: Trường hợp việc tổ chức họ có lãi thì mức lãi suất phải tuân theo quy định về lãi suất nêu trên. | Đảm bảo tính thống nhất về lãi suất |
| **Hợp đồng thuê tài sản** | Điều 472 BLDS 2015 | Bổ sung quy định : Hợp đồng thuê nhà ở, hợp đồng thuê nhà để sử dụng vào mục đích khác được thực hiện theo quy định của BLDS 2015, Luật nhà ở và quy định khác của pháp luật có liên quan. | Ưu tiên áp dụng Luật chuyên ngành  Tranh mâu thuẫn tranh chấp giữa các  bên |
| Gía thuê | Điều 473 BLDS 2015 | Quy định lại nội dung về giá thuê:  – Giá thuê do các bên thoả thuận hoặc do người thứ ba xác định theo yêu cầu của các bên, trừ trường hợp luật có quy định khác.  – Trường hợp không có thỏa thuận hoặc thỏa thuận không rõ ràng thì giá thuê được xác định theo giá thị trường tại địa điểm và thời điểm giao kết hợp đồng thuê. | Quy định rất rõ ràng và cụ thể về giá thuê  Hạn chế xảy ra tranh chấp giữa các bên trong việc xác định giá thuê |
| **Thời hạn thuê** | Khoản 2 điều 474 BLDS 2015 | Quy định lại nội dung sau: Trường hợp các bên không thoả thuận về thời hạn thuê và thời hạn thuê không thể xác định được theo mục đích thuê thì mỗi bên có quyền chấm dứt hợp đồng bất cứ lúc nào, nhưng phải thông báo cho bên kia trước một thời gian hợp lý. | Quy định rõ cả trường hợp 2 bên không thỏa thuận để hạn chế những mâu thuẫn phát sinh khi kết thúc hợp đồng thuê. |
| **Nghĩa vụ bảo đảm giá trị sử dụng của tài sản thuê** | Khoản 3 điều 477 BLDS 2015 | Bổ sung quy định :Trường hợp bên cho thuê đã được thông báo mà không sửa chữa hoặc sửa chữa không kịp thời thì bên thuê có quyền tự sửa chữa tài sản thuê với chi phí hợp lý, nhưng phải báo cho bên cho thuê và có quyền yêu cầu bên cho thuê thanh toán chi phí sửa chữa. | Quy định chặt chẽ hơn |
| **Hợp đồng thuê khoán tài sản** | Điều 483 BLDS 2015 | Hợp đồng thuê khoán tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho thuê khoán giao tài sản cho bên thuê khoán để khai thác công dụng, hưởng [hoa lợi](https://hocluat.vn/wiki/hoa-loi/), [lợi tức](https://hocluat.vn/wiki/loi-tuc/) thu được từ tài sản thuê khoán và bên thuê khoán có nghĩa vụ trả tiền thuê. | Làm rõ nghĩa vụ đối với hợp đồng thuê khoán tài sản |
| **Thời hạn thuê khoán** | Điều 485 BLDS 2015 | Thời hạn thuê khoán do các bên thoả thuận. Trường hợp không có thỏa thuận hoặc có thỏa thuận nhưng không rõ ràng thì thời hạn thuê khoán được xác định theo chu kỳ sản xuất, kinh doanh phù hợp với tính chất của đối tượng thuê khoán. | Thời hạn có thể thỏa thuận hoặc theo chu kỳ sản xuất, kinh doanh, quy định này phân định rõ ràng,  Tránh trường hợp gây hiểu nhầm như BLDS 2005  Hạn chế mâu thuẫn giữa các bên |
| **Trả tiền thuê khoán và phương thức trả** | Khoản 6 điều 488 BLDS 2015 | Bổ sung quy định:Thời hạn trả tiền thuê khoán do các bên thỏa thuận, trường hợp các bên không có thỏa thuận thì bên thuê khoán phải thanh toán vào ngày cuối cùng của mỗi tháng; trường hợp thuê khoán theo chu kỳ sản xuất, kinh doanh thì phải thanh toán chậm nhất khi kết thúc chu kỳ sản xuất, kinh doanh đó. | Quy định rõ hơn chế định này.  Khắc phục hạn chế của BLDS 2005 |
| **Nghĩa vụ của bên mượn tài sản** | Khoản 5 điều 496 BLDS 2015 | Bổ sung thêm nghĩa vụ: “Bên mượn tài sản phải chịu rủi ro đối với tài sản mượn trong thời gian chậm trả.” | Đảm bảo quyền lợi cho bên cho mượn khi bên mượn chậm trả |
| **Hợp đồng về quyền sử dụng đất** | Điều 500 BLDS 2015 | Điều khoản mới |  |
| **Nội dung hợp đồng về quyền sử dụng đất** | Điều 501 BLDS 2015 | Điều khoản mới |  |
| **Hình thức,**[**thủ tục**](https://hocluat.vn/wiki/thu-tuc/)**thực hiện hợp đồng về quyền sử dụng đất** | Điều 502 BLDS 2015 | Điều khoản mới |  |
| **Hiệu lực việc chuyển quyền sử dụng đất** | Điều 503 BLDS 2015 | Điều khoản mới |  |
| **Hợp đồng hợp tác** | Điều 504 BLDS 2015 | Điều khoản mới |  |
| **Nội dung hợp đồng hợp tác** | Điều 505 BLDS 2015 | Điều khoản mới |  |
| **Tài sản chung của thành viên hợp tác** | Điều 506 BLDS 2015 | Điều khoản mới |  |
| **Quyền và nghĩa vụ của thành viên hợp tác** | Điều 507 BLDS 2015 | Điều khoản mới |  |
| **Xác lập, thực hiện giao dịch dân sự** | Điều 508 BLDS 2015 | Điều khoản mới |  |
| **Trách nhiệm dân sự của thành viên hợp tác** | Điều 509 BLDS 2015 | Điều khoản mới |  |
| **Rút khỏi hợp đồng hợp tác** | Điều 510 BLDS 2015 | Điều khoản mới |  |
| **Gia nhập hợp đồng hợp tác** | Điều 511 BLDS 2015 | Điều khoản mới |  |
| **Chấm dứt hợp đồng hợp tác** | Điều 512 BLDS 2015 | Điều khoản mới |  |
| **Đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng dịch vụ** | Điều 520 BLDS 2015: Chỉ khi bên sử dụng dịch vụ vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thì bên cung ứng mới có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng và yêu cầu BTTH.  Trường hợp bên sử dụng dịch vụ vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thì bên cung ứng dịch vụ có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng và yêu cầu bồi thường thiệt hại. | Trước đây, khi bên sử dụng dịch vụ không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì bên cung ứng có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng và yêu cầu BTTH. | Bảo vệ quyền lợi của bên sử dụng dịch vụ.  Nhưng nguyên nhân khách quan dẫn đến việc vi phạm hợp đồng, nhưng chưa đến mức nghiêm trọng thì bên cung cấp dịch vụ không được đơn phương chấm dứt hợp đồng.  Nâng cao bản chất của hợp đồng là sự thỏa thuận |
| **Hình thức hợp đồng vận chuyển khách hàng** | Khoản 1 điều 523 BLDS 2015 | Ngoài hình thức văn bản, lời nói thì hành vi cụ thể cũng được xem là hình thức hợp đồng vận chuyển hành khách:  Hợp đồng vận chuyển hành khách có thể được lập thành văn bản, bằng lời nói hoặc được xác lập bằng hành vi cụ thể. | Phù hợp thực tiễn áp dụng  Hình thức hành vi càng phổ biến hơn trong các hợp đồng. |
| **Giao tài sản cho bên vận chuyển** | Khoản 2 điều 532 BLDS 2015:  Trường hợp bên thuê vận chuyển giao tài sản không đúng thời hạn, địa điểm đã thoả thuận thì phải thanh toán chi phí chờ đợi và tiền vận chuyển tài sản đến địa điểm đã thoả thuận trong hợp đồng cho bên vận chuyển.  Trường hợp bên vận chuyển chậm tiếp nhận tài sản tại địa điểm đã thỏa thuận thì phải chịu chi phí phát sinh do việc chậm tiếp nhận. | Bãi bỏ quy định nộp phạt vi phạm theo thỏa thuận trong trường bên thuê vận chuyển giao tài sản không đúng thời hạn, địa điểm đã thỏa thuận: | Phù hợp với thực tiễn áp dụng  Đảm bảo quyền lợi của bên thuê vận chuyển ( Những nguyên nhân khách quan là điều không tránh khỏi) |
| **Quyền  của bên vận chuyển** | Điều 535 BLDS 2015 | Bãi bỏ quyền yêu cầu bên thuê vận chuyển Bồi thương thiệt hại | Phù hợp với thực tế vận chuyễn.  Khắc phục được hạn chế của BLDS 2005 |
| **Nghĩa vụ của bên thuê vận chuyển** | Điều 536 BLDS 2015 | Bổ sung quy định về nghĩa vụ của bên vận chuyển Cung cấp thông tin cần thiết liên quan đến tài sản vận chuyển để bảo đảm an toàn cho tài sản vận chuyển. | Đảm bảo việc vận chuyển của bên vận chuyển thuận lợi hơn.  Hạn chề  tranh chấp phát sinh |
| **Quyền của bên thuê vận chuyển** | Điều 537 BLDS 2015 | Bãi bỏ quyền yêu cầu bên vận chuyển bồi thường | Khắc phục được hạn chế của BLDS 2005 |
| **Nghĩa vụ của bên đặt gia công** | Khoản 1 điều 544 BLDS 2015 | Bãi bỏ điều khoản loại trừ đối với nghĩa vụ cung cấp nguyên vật liệu của bên đặt gia công  Cung cấp nguyên vật liệu theo đúng số lượng, chất lượng, thời hạn và địa điểm đã thỏa thuận cho bên nhận gia công; cung cấp giấy tờ cần thiết liên quan đến việc gia công.  So với  BLDS 2005:  Trước đây, bên đặt gia công có nghĩa vụ cung cấp nguyên vật liệu theo đúng số lượng, chất lượng, thời hạn và địa điểm đã thỏa thuận cho bên nhận gia công trừ trường hợp có thỏa thuận khác. | Nghĩa vụ cung cấp nguyên vật liệu gia công là yếu tố bắt buộc khi đặt gia công. Việc bỏ điều khoản loại trừ là hợp lý.  Thể hiện đúng bản chất của việc gia công |
| **Nghĩa vụ của bên nhận gia công** | Khoản 2 điều 546 BLDS 2015 | Bãi bỏ quy định trách nhiệm trong trường hợp không báo hoặc không từ chối đối với nghĩa vụ sau:  Báo cho bên đặt gia công biết để đổi nguyên vật liệu khác, nếu nguyên vật liệu không bảo đảm chất lượng; từ chối thực hiện gia công, nếu biết hoặc phải biết việc sử dụng nguyên vật liệu có thể tạo ra sản phẩm nguy hại cho xã hội. | Đảm bảo quyền lợi của bên nhận gia công  Hạn chề tranh chấp xảy ra.  Phù hợp thực tế của các cơ sở gia công |
| **Ủy quyền lại** | Khoản 2 điều 564 BLDS 2015 | Thêm trường hợp được ủy quyền lại cho người khác:  Bên được ủy quyền được ủy quyền lại cho người khác trong trường hợp sau:  – Có sự đồng ý của bên ủy quyền.  – Do sự kiện bất khả kháng nếu không áp dụng ủy quyền lại thì mục đích xác lập, thực hiện GDDS vì lợi ích của người ủy quyền không thể thực hiện được.  Trước đây, chỉ được phép ủy quyền lại khi có sự đồng ý của bên ủy quyền hoặc pháp luật có quy định. | Quy định cụ thể hơn, dễ áp dụng  Phù hợp thực tiễn áp dụng. |

|  |
| --- |
| *Theo dõi page* ***Học Luật OnLine*** *thường xuyên để nhận được nhiều tài liệu bổ ích hơn!* |